

Số: 1015 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

Điều 2. Giao các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định liên quan theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành.

Căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế, các bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo cấp có thẩm quyền áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc lồng ghép nội dung phương án phân cấp trong quá trình sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực thi Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định này, bảo đảm chất lượng, tiến độ và phù hợp với nhiệm vụ, lộ trình tại Quyết định này, Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chương trình công tác của Chính phủ và Kế hoạch công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ.

Các bộ, cơ quan chủ động phát hiện và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc việc thực thi Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính và tổng hợp các vấn đề phát sinh, vướng mắc của các bộ, cơ quan, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

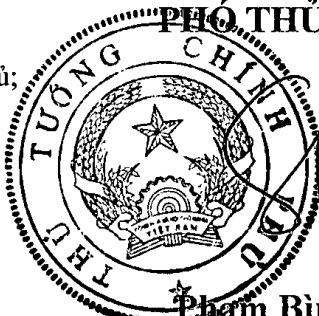
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Bình Minh



Phụ lục I

PHÂN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG AN

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

1. Thủ tục Trình báo mất thẻ ABTC (mã TTHC: 1.001458).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08) về Công an cấp tỉnh (PA08), cấp huyện, cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 54/2015/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2016/TT-BCA ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Trình báo mất hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 2.000539); Trình báo mất hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.001445); Trình báo mất hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 1.010385).

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 2.000539 từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08) về Công an cấp tỉnh (PA08).

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.001445 từ Công an cấp tỉnh (PA08) về Công an cấp huyện.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.010385 từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Thủ tục xác nhận cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam (mã TTHC: 1010048).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08) về Công an cấp tỉnh (PA08), Công an cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng công kiểm soát tự động.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào cho công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú ở tỉnh có chung đường biên giới với Lào (mã TTHC: 1.001280).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Công an cấp tỉnh có chung đường biên giới với Lào cho Công an cấp huyện và Công an cấp xã giáp biên giới thực hiện, theo hướng: (i) Công an cấp xã cấp Giấy thông hành cho công dân có hộ khẩu thường trú đối với xã giáp biên giới; (ii) Công an cấp huyện cấp Giấy thông hành cho công dân có hộ khẩu thường trú tại huyện giáp biên giới và (iii) Công an cấp tỉnh cấp Giấy thông hành cho công dân làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào và công dân có hộ khẩu thường trú tại các huyện, xã còn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.010049); Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 1.010054).

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.010049 từ Công an cấp tỉnh về Công an cấp huyện.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.010054 từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, 9 và 11 Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng Giấy thông hành.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

1. Nhóm các thủ tục: Cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.001288); Cấp đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.001281); Cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.001287).

a) Nội dung phân cấp: Bổ sung thẩm quyền cho Công an cấp tỉnh (PC07) giải quyết đối với việc cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy, chữa cháy trong các lĩnh vực: Tư vấn giám sát về phòng cháy, chữa cháy; chỉ huy thi công về phòng cháy, chữa cháy.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 45 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.009887).

a) Nội dung phân cấp:

- Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (C07) thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư); công trình có chiều cao trên 150 m; công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; dự án, công trình do Phòng

Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh đề nghị.

- Công an cấp tỉnh (PC07) thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đối với đồ án quy hoạch; dự án, công trình không thuộc thẩm quyền của C07 trên địa bàn quản lý và những trường hợp do C07 ủy quyền; phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn quản lý.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.000858).

a) Nội dung phân cấp:

- Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (C07) nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư); công trình có chiều cao trên 150 m; công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; dự án, công trình do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh đề nghị.

- Công an cấp tỉnh (PC07) nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy đối với đồ án quy hoạch; dự án, công trình không thuộc thẩm quyền của C07 trên địa bàn quản lý và những trường hợp do C07 ủy quyền; phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn quản lý.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 13 và khoản 8 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.004319); Cấp đổi Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.009889); Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.009890).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (C07) về Công an cấp tỉnh (PC07), Công an cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001776); Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.009902); Cấp đổi Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.009901).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Công an cấp tỉnh (PC07) về Công an cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Nhóm các thủ tục: Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.009888); Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.009900); Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 1.009912).

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.009888 từ Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (C07) về Công an cấp tỉnh (PC07), Công an cấp huyện, Công an cấp xã.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.009900 từ Công an cấp tỉnh (PC07) về Công an cấp huyện.

- Thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.009912 từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 và 18 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.009893).

a) Nội dung phân cấp: Bổ sung thẩm quyền cho Công an cấp tỉnh (PC07) giải quyết Cấp giấy chứng nhận kiểm định đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy quy định tại các mục 1, 4, 9 Phụ lục VII Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 38 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN; ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục xác nhận số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 2.000677).

a) Nội dung phân cấp: Bổ sung cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC là Công an cấp xã đối với trường hợp có thông tin số chứng minh nhân dân 9 số trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

2. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001262).

a) Nội dung phân cấp:

- Phòng Cảnh sát giao thông Công an các địa phương cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên cho các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BCA-BCT).

- Công an cấp huyện cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện có trụ sở đóng trên địa bàn huyện (mới đề nghị phân cấp).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BCA-BCT ngày 08 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ PHÁO

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.000622); Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.000525); Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002229); Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002243); Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.000577); Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.000673); Cấp đổi Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.000600); Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.001237); Cấp Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002106); Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002125); Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002066); Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002021).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp một phần thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về Công an cấp tỉnh (PC06) đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc bộ, ngành ở trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh chỉ được trang bị vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 18/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép, Giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002163); Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thô sơ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002207).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về Công an cấp tỉnh (PC06) đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc bộ, ngành ở trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 18/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép, Giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển pháo hoa để kinh doanh tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 3.000172).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về Công an cấp tỉnh (PC06).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ NGÀNH NGHỀ ĐẦU TƯ, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.003204); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 2.001531); Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.003176).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về Công an cấp tỉnh (PC06) đối với các ngành nghề: Kinh doanh các loại pháo; kinh doanh ngành nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam; kinh doanh, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001478); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001551); Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001402).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Công an cấp tỉnh (PC06) về Công an cấp huyện đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú có quy mô từ 20 phòng trở xuống.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn năm 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 2.000569); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện ở cấp huyện - mã TTHC: 2.000485); Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 2.000556).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú không phải là doanh nghiệp có quy mô kinh doanh từ 09 phòng trở xuống và các cơ sở kinh doanh khí là hộ kinh doanh (không phải là doanh nghiệp) đóng trên địa bàn cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.



Phụ lục II

PHƯƠNG AN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI VÀ MIỀN NÚI; AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

1. Thủ tục Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào (mã TTHC: 2.001272).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 3 Thông tư số 56/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định Thương mại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) (mã TTHC: 1.000966); Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) (mã TTHC: 2.000442); Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) (mã TTHC: 1.000896).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG; VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

1. Nhóm các thủ tục: Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá (mã TTHC: 1.000162); Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu (mã TTHC: 1.000949); Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 1.000172); Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá (mã TTHC: 1.000667); Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá (mã TTHC: 1.001335).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 1.000998); Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 1.000965); Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương (mã TTHC: 1.000395).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.000350); Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.005405); Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.005406).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 12, 13 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4, Điều 12, 13 Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quy trình Kimberly đối với kim cương thô (mã TTHC: 1.000658).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về các Phòng Quản lý Xuất Nhập khẩu khu vực, gồm: Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương; Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai; Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đà Nẵng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp chứng nhận và thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô nhằm thực thi các quy định của quy chế chứng nhận quy trình Kimberley.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Cấp mã số nhà sản xuất (MID) hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ (mã TTHC: 1.000113).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1059/2005/QĐ-BTM ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Bộ Thương mại và Thông tư số 16/2010/TT-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc cấp mã số nhà sản xuất hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (mã TTHC: 1.001238); Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (mã TTHC: 1.001104).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về các Phòng Quản lý Xuất Nhập khẩu khu vực, gồm: Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương; Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật (mã TTHC: 1.000477); Cấp Giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (mã TTHC: 2.001189).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 36, 38 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới (mã TTHC: 2.001264).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC ĐIỆN; XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 MW đặt tại địa phương (mã TTHC: 2.001617); Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương (mã TTHC: 2.001549); Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương (mã TTHC: 2.001249); Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương (mã TTHC: 2.001724); Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương (mã TTHC: 2.001535); Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương mã TTHC: 2.001266); Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương (mã TTHC: 2.001561); Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương (mã TTHC: 2.001632).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp tỉnh về Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001399); Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001384); Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001076); Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ

chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001391); Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001036).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 5 Điều 34, các mẫu từ 01 - 08 của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Đ. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép bán lẻ rượu (mã TTHC: 2.000620); Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu (mã TTHC: 2.000615); Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu (mã TTHC: 2.001240); Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (mã TTHC: 2.000633); Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (mã TTHC: 2.000629) và Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (mã TTHC: 1.001279).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 18 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000181); Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000150); Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000162).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện

pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; khoản 5 Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2023.

3. Thủ tục nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại (mã TTHC: 2.000209).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2022 - 2023.



Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HÀNG HẢI

1. Thủ tục Chấp thuận cắm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển (mã TTHC: 1.004984).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cảng vụ Hàng hải về Chủ tịch UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải (mã TTHC: 1.004123).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 40 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (mã TTHC: 1.004850); Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (mã TTHC: 1.004843).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, 8 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải (mã TTHC: 1.004828); Cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải (mã TTHC: 1.005115).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13, 14 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng (mã TTHC: 1.002249).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo (mã TTHC: 2.000795).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cảng vụ Hàng hải về Sở Giao thông vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Thủ tục Đổi tên cảng cạn (mã TTHC: 1.001870).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn.
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Thủ tục Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn (mã TTHC: 1.004280).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

9. Nhóm các thủ tục: Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (mã TTHC: 1.000940); Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (mã TTHC: 1.007949).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 10 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ đang khai thác (mã TTHC: 1.001075).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Đường bộ Việt Nam về Cục Quản lý đường bộ, các Sở Giao thông vận tải quản lý ủy thác quốc lộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16, 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-GP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác (mã TTHC: 1.002556).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với đường cao tốc do trung ương quản lý).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (mã TTHC: 1.000028).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trường hợp đặc biệt phục vụ an ninh, quốc phòng, công trình năng lượng, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ (mã TTHC: 1.000583).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Đường bộ Việt Nam về Cục Quản lý đường bộ, các Sở Giao thông vận tải quản lý ủy thác quốc lộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc (mã TTHC: 1.002798).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với đường cao tốc do trung ương quản lý).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Nhóm các thủ tục: Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (mã TTHC: 2.001218); Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (mã TTHC: 2.001217).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11, 12, 13 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải (mã TTHC: 2.001219).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đường thủy nội địa, Cục Hàng hải Việt Nam và UBND cấp tỉnh về Sở Giao thông vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 10 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (mã TTHC: 1.009455); Công bố hoạt động bến thủy nội địa (mã TTHC: 1.009454); Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (mã TTHC: 1.003658); Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (mã TTHC: 1.009453).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Giao thông vận tải về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16, 18, 19 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu (mã TTHC: 2.001215); Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (mã TTHC: 2.001212); Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (mã TTHC: 2.001214); Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (mã TTHC: 2.001211).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 19, 20, 21, 22, 23 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu (mã TTHC: 1.001131); Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 1.005091).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Chi cục Đăng kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 11, 12 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong Giao thông vận tải (mã TTHC: 1.004337).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Chi cục Đăng kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13, 14 Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Kiểm định, cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển (mã TTHC: 1.000305); Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển (mã TTHC: 1.000010).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Chi cục Đăng kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10, 15 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe máy chuyên dùng (mã TTHC: 1.005107).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Chi cục Đăng kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16, 17 Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG

1. Thủ tục Mở cảng hàng không, sân bay (mã TTHC: 1.001369).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Giao thông vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 38 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam (mã TTHC: 1.002845).

a) Nội dung phân cấp: Đề nghị thực hiện phân cấp một phần công việc của Cục Hàng không cho các Cảng vụ Hàng không theo hướng bổ sung cơ quan thực hiện là các Cảng vụ Hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 60 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (mã TTHC: 1.004724); Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (mã TTHC: 1.002897).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam về Cảng vụ hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 52, 53 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam (doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình) (mã TTHC: 1.004419); Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài (mã TTHC: 1.004418).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam về Cảng vụ hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không (mã TTHC: 1.004682); Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không (mã TTHC: 1.004674).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 57 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung (mã TTHC: 1.000312).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 1 Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.004480); Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.004465).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam về cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Thủ tục Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống

bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không (mã TTHC: 1.002886).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 42, 45 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

9. Thủ tục Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng (mã TTHC: 1.002890).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 42, 43 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

10. Nhóm các thủ tục: Phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hằng hàng không nước ngoài (mã TTHC: 1.003378); Sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không (mã TTHC: 1.003376).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam cho Cảng vụ hàng không (đối với trường hợp doanh nghiệp có quy mô hoạt động chỉ trong phạm vi một cảng hàng không).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 26 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

E. LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (mã TTHC: 1.010000); Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký

phương tiện giao thông đường sắt (mã TTHC: 1.004844); Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (mã TTHC: 1.005075).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đường sắt Việt Nam về UBND cấp tỉnh thực hiện (đối với phương tiện giao thông đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng trên địa bàn quản lý).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 Thông tư số 13/2021/TT-BGTVT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt; sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép lái tàu cho các lái tàu đầu tiên trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam (mã TTHC: 1.009479); Cấp giấy phép lái tàu cho lái tàu trên các tuyến đường sắt đang khai thác (mã TTHC: 1.005071).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đường sắt Việt Nam về UBND cấp tỉnh có đường sắt đô thị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Thông tư số 25/2021/TT-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt; Thông tư số 05/2021/TT-BGTVT ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái tàu (mã TTHC: 1.003897).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đường sắt Việt Nam về UBND cấp tỉnh (bao gồm 05 UBND: thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Lào Cai, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Quảng Ninh) đối với lái tàu trên các tuyến đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 37 Thông tư số 33/2018/TT- BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt (mã TTHC: 1.004685); Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt (mã TTHC: 1.004681).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Đường sắt Việt Nam (đối với các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, 9, 10 Thông tư số 26/2018/TT- BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống) (mã TTHC: 1.004883).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Đường sắt Việt Nam (đối với đường ngang xây dựng trên đường sắt quốc gia, đường ngang công cộng xây dựng trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến quốc lộ).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.



Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC; GIÁO DỤC TRUNG HỌC

1. Nhóm các thủ tục: Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục (mã TTHC: 1.005020); Điều chỉnh, bổ sung đối tượng, phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (mã TTHC: 1.010024).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3, 4, 5 Điều 100 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, trong đó giao Cục Quản lý chất lượng chủ trì, phối hợp với các cục, vụ có liên quan quyết định cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở (mã TTHC: 2.002481); Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông (mã TTHC: 2.002478); Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học (mã TTHC: 1.001088).

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 2.002481 từ Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hiệu trưởng (Thủ trưởng) cơ sở giáo dục;

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 2.002478 từ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về Hiệu trưởng (Thủ trưởng) cơ sở giáo dục;

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.001088 từ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo về Hiệu trưởng (Thủ trưởng) cơ sở giáo dục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm f khoản 1 Điều 5, điểm a, b khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

1. Thủ tục Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên (mã TTHC: 1.000729).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung mục III Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo của trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (mã TTHC: 1.005106).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 30 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (mã TTHC: 2.000011).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã (mã TTHC: 1.005097).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Trường phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5, 6 Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại “cộng đồng học tập” cấp xã.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (mã TTHC: 1.001622); Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp (mã TTHC: 1.008950); Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (mã TTHC: 1.008951).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Trường phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7, khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (mã TTHC: 1.000288).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Thủ tục Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (mã TTHC: 1.000280).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia trường tiểu học.

Thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Thủ tục Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (mã TTHC: 1.000691).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

9. Thủ tục Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (mã TTHC: 1.008723).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

1. Thủ tục Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (mã TTHC: 1.008720).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cử đi học nước ngoài (mã TTHC: 1.001694); Thay đổi nước đến học hoặc ngành học (mã TTHC: 3.000025).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Cục trưởng Cục Hợp tác quốc tế thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó giao Cục Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các cục, vụ có liên quan xem xét, quyết định cử đi học nước ngoài.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.



Phụ lục V

PHƯƠNG AN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

1. Nhóm các thủ tục: Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (mã TTHC: 1.001357); Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (mã TTHC: 1.001354); Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (mã TTHC: 1.001080).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Khoa học và Công nghệ về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 20, khoản 5 Điều 30 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (mã TTHC: 2.001164); Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (mã TTHC: 2.001143); Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (mã TTHC: 1.002935).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 20, khoản 5 Điều 30 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (mã TTHC: 2.002380); Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán

trong y tế) (mã TTHC: 2.002379); Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (mã TTHC: 2.002384); Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (mã TTHC: 2.002383); Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (mã TTHC: 2.002381); Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (mã TTHC: 2.002382).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 77 Luật Năng lượng nguyên tử; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.



Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA; THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

1. Thủ tục Công bố thông tin thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; thông báo, giải thể quỹ và báo hoạt động quỹ khởi nghiệp sáng tạo trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (mã TTHC: 1.000062).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Cục Phát triển doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 2.000024); Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 1.000016); Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 2.000005); Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 2.002005); Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư cấp tỉnh (mã TTHC: 2.002004).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Kế hoạch và Đầu tư về Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11, 12, 13, khoản 5 Điều 15, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Thủ tục Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ; thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp (mã TTHC: 2.001999).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Kế hoạch và Đầu tư về Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Nhóm các thủ tục: Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005125); Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã - trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng (mã TTHC: 1.005072); Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005283); Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia (mã TTHC: 1.005122); Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất (mã TTHC: 2.001957); Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 2.002125); Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập (mã TTHC: 1.005056); Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách (mã TTHC: 2.001979); Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 2.002013); Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005047); Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005003); Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 2.001962); Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005046); Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005064); Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005124).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư về Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI; ĐẦU TƯ BẰNG VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC

1. Nhóm các thủ tục: Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về nước (mã TTHC: 2.00256); Thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài (mã TTHC: 2.002255).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 68, điểm a khoản 3 Điều 73 Luật Đầu tư; sửa biểu mẫu B.I.11 và B.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A (mã TTHC: 2.000028); Quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (mã TTHC: 1.004864).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp một phần thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ cho người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với các trường hợp:

- Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do cơ quan, tổ chức, địa phương quản lý.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.



Phụ lục VII

PHƯƠNG AN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP; AN TOÀN LAO ĐỘNG

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (mã TTHC: 1.000298); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (mã TTHC: 1.000295).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3, 4 Điều 8, khoản 2, 4 Điều 18, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (mã TTHC: 2.000134).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Luật An toàn vệ sinh lao động; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật An toàn vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.





Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NGOẠI GIAO

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

LĨNH VỰC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ

1. Thủ tục Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (mã TTHC: 2.002314).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về cơ quan có thẩm quyền quản lý thuộc UBND cấp tỉnh (giữ nguyên thẩm quyền giải quyết đối với hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ).

Điều kiện phân cấp: Các hồ sơ đề nghị xin chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung góp ý thống nhất của các cơ quan liên quan, đồng thời đáp ứng được một trong hai tiêu chí: (i) không có nội dung nhạy cảm, phức tạp; hoặc (ii) đã có ý kiến đồng ý về chủ trương của cơ quan Đảng liên quan.

Trường hợp không đáp ứng các điều kiện phân cấp nêu trên, cơ quan có thẩm quyền quản lý thuộc UBND cấp tỉnh trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

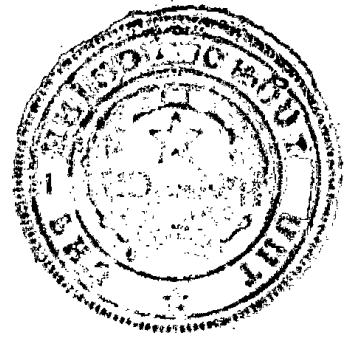
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (mã TTHC: 2.002312).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp tỉnh về cơ quan có thẩm quyền quản lý thuộc UBND cấp tỉnh (giữ nguyên thẩm quyền giải quyết đối với hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.





Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (mã TTHC: 1.008126); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (mã TTHC: 1.008127); Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (mã TTHC: 1.008128); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (mã TTHC: 1.008129).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu (mã TTHC: 3.000128); Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (mã TTHC: 3.000129); Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước (mã TTHC: 3.000127).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 34 Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Thủ tục Công nhận dòng, giống vật nuôi mới (mã TTHC: 3.000126).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Nhóm các thủ tục: Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (mã TTHC: 1.008124); Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (mã TTHC: 1.008125).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

5. Thủ tục Nhập khẩu lần đầu đực giống, tinh, phôi, giống gia súc (mã TTHC: 1.008117).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

6. Thủ tục Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (mã TTHC: 3.000130).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

7. Thủ tục Xuất khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo (mã TTHC: 1.008118).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 21 Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

B. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

1. Thủ tục Cấp ấn phẩm Chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm (mã TTHC: 1.000009).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh, cụ thể:

- Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh cấp ấn phẩm chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm mẫu vật loài thuộc các Phụ lục CITES, trừ các loài thủy sản.

- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp ấn phẩm chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm mẫu vật loài thủy sản thuộc các Phụ lục CITES.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm a, b khoản 4 Điều 24 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (mã TTHC: 3.000179); Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng (mã TTHC: 3.000180).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Tổng cục Lâm nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5, 7 Điều 25 và khoản 5 Điều 26 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES (mã TTHC: 1.004819).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh, cụ thể:

- Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh cấp mã số cơ sở nuôi sinh trưởng, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I; động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES, trừ các loài thủy sản.

- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp mã số cơ sở nuôi sinh trưởng, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục I CITES, trừ các loài thủy sản đồng thời thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng hoang dã nguy cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 17 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES (mã TTHC: 1.004815).

a) Nội dung phân cấp: Đối với trường hợp nuôi, trồng không vì mục đích thương mại, phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh về UBND cấp huyện, Hạt Kiểm lâm cấp huyện cấp mã số cơ sở nuôi, trồng, cụ thể:

Hạt Kiểm lâm cấp huyện cấp mã số cơ sở nuôi không vì mục đích thương mại các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II; động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES, trừ các loài thủy sản.

UBND cấp huyện cấp mã số cơ sở nuôi, trồng không vì mục đích thương mại các loài thủy sản thuộc Phụ lục II và III CITES, trừ các loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (mã TTHC: 1.000047).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh về Hạt kiểm lâm cấp huyện đối với phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại thuộc phạm vi quản lý (Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên đối với hoạt động khai thác vì mục đích thương mại; khai thác không vì mục đích thương mại trên địa bàn 02 huyện trở lên hoặc nơi không có Hạt Kiểm lâm cấp huyện thì thẩm quyền giải quyết vẫn là của Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

6. Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư (mã TTHC: 1.007918).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1. Nhóm các thủ tục: Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (mã TTHC: 1.003388); Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (mã TTHC: 1.003371).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 4 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự và thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (mã TTHC: 1.003618).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 25 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 2.001730); Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 2.001726).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổng cục, cục quản lý chuyên ngành thuộc bộ và cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh, cụ thể:

- Tổng cục, cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện cấp/sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các thị trường có yêu cầu cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp chứng thư, chứng nhận an toàn thực phẩm (ATTP), kiểm dịch ...

- Cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh thực hiện cấp/sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các trường hợp còn lại.

Điều kiện phân cấp: Chia sẻ thông tin, dữ liệu về danh sách cơ sở, danh mục sản phẩm chứng nhận đủ điều kiện ATTP của cơ sở xuất khẩu đối với các thị trường có yêu cầu cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp chứng thư, chứng nhận ATTP, kiểm dịch...

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 2.001604); Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 1.003814).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Bảo vệ thực vật; Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC THÚ Y

1. Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (mã TTHC: 1.004693).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Thú y vùng thực hiện việc kiểm tra và cấp, cấp lại đối với các cơ sở nhập khẩu và cơ sở hỗn hợp nhập khẩu và phục vụ tiêu dùng trong nước (Đối với cơ sở phục vụ xuất khẩu và cơ sở hỗn hợp phục vụ xuất khẩu và phục vụ tiêu dùng trong nước, cơ sở khác, việc cấp, cấp lại vẫn do Cục Thú y kiểm tra và cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y).

Điều kiện phân cấp: Hiện tại TTHC đang được giải quyết trực tuyến tại Cổng dịch vụ công của bộ và đã được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Để phân cấp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải chỉnh sửa phần mềm dịch vụ công, cấp tài khoản, tiến hành tập huấn cho cán bộ Thú y vùng để các chi cục Thú y vùng thuộc cục có thể nhận và xử lý hồ sơ của doanh nghiệp trên hệ thống.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 37 Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (mã TTHC: 1.001686); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (mã TTHC: 1.004839).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh về cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

Điều kiện phân cấp: Kien toàn hệ thống cơ quan chuyên ngành thú y địa phương tại 63/63 tỉnh theo quy định tại Điều 6 Luật Thú y, thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 97 Luật Thú y năm 2015.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025, hoặc khi điều kiện phân cấp được đáp ứng đầy đủ.

3. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (mã TTHC: 1.004022).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh về cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

Điều kiện phân cấp: Kien toàn hệ thống cơ quan chuyên ngành thú y địa phương tại 63/63 tỉnh theo quy định tại Điều 6 Luật Thú y, thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022, hoặc khi điều kiện phân cấp được đáp ứng đầy đủ.

E. LĨNH VỰC THỦY LỢI

1. Nhóm các thủ tục: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003870); Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.00140); Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001426); Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.004427); Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003921); Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003893); Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.004385); Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001791).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện cho một số hoạt động sau: Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, vật tư, phương tiện thuộc các công trình thủy lợi; Nuôi trồng thủy sản; Trồng cây lâu năm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44 Luật Thủy lợi; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001796); Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003880).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 44 Luật Thủy lợi; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 1.003997); Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 1.003952).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

G. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá (mã TTHC: 1.004697).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển (mã TTHC: 1.004344).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 57 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

H. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1. Nhóm các thủ tục: Cấp thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (mã TTHC: 1.000679); Cấp lại thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (mã TTHC: 1.000643).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Trồng trọt về cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 31, Điều 33 Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Ghi nhận sửa đổi thông tin tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (mã TTHC: 1.000596).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Trồng trọt về cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng (mã TTHC: 1.000625).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Trồng trọt về cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.



Phụ lục X

PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC TÔN GIÁO

1. Nhóm các thủ tục: Đề nghị cho cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo hoặc đào tạo tôn giáo ở nước ngoài (mã TTHC: 2.000035); Đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam (mã TTHC: 1.000092); Đề nghị chấp thuận cho tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử cho tín đồ của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam làm chức sắc, chức việc cho tổ chức tôn giáo ở nước ngoài (mã TTHC: 2.000241); Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.003884); Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (mã TTHC: 2.000040); Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.000102); Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo (mã TTHC: 2.000047); Đề nghị phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (mã TTHC: 2.000248); Đề nghị tổ chức đại hội không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 45 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003606); Đề nghị tổ chức hội nghị liên tôn giáo hoặc hội nghị có yếu tố nước ngoài về tôn giáo (mã TTHC: 1.003630); Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 2.000023); Đăng ký cho công dân Việt Nam được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài về Việt Nam làm chức sắc, chức việc (mã TTHC: 2.000263); Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.003761); Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003795); Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 2.001626); Đăng ký sửa đổi quy chế tổ chức và hoạt động hoặc quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo tôn giáo (mã TTHC: 1.003126); Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 và khoản 1 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 2.001308); Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 2.001302); Thông báo chấm dứt gia nhập tổ chức tôn giáo nước

ngoài của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam (mã TTHC: 2.000031); Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.003670); Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.003690); Thông báo hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo (mã TTHC: 2.001294); Thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003813); Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 2.001314); Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 2.001325); Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 2.001319); Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003199); Thông báo kết quả đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo (mã TTHC: 1.003710); Thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003833); Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (Mã TTHC: 1.003656); Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.003222); Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003233); Thông báo về việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quyết định của tổ chức tôn giáo (mã TTHC: 1.000006); Thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo (mã TTHC: 2.000019); Thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 2.002167).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nội vụ về Ban Tôn giáo Chính phủ thuộc Bộ Nội vụ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 19, điểm b khoản 3 Điều 22, điểm b khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, khoản 1, 3, 4 Điều 39, khoản 2 Điều 42, điểm d khoản 1 Điều 43, khoản 2, điểm c Khoản 3 Điều 45, điểm b khoản 3 Điều 48, khoản 5 Điều 48, Điều 49, khoản 3 Điều 50, khoản 3, 4 Điều 51, khoản 4 Điều 53 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; sửa đổi, bổ sung khoản

1 Điều 7, khoản 1, 2, 3 Điều 17, khoản 1, 2 Điều 18, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Thông báo tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP (mã TTHC: 1.000780); Thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (mã TTHC: 1.000788).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Nội vụ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 31 Luật Tín ngưỡng tôn giáo; sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 19, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.001228); Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện (mã TTHC: 2.000267); Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện (mã TTHC: 1.000316).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Nội vụ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 41, điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Tín ngưỡng tôn giáo; sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 22 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

B. LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ

1. Nhóm các thủ tục: Chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội (mã TTHC: 2.001688); Đổi tên hội (mã TTHC: 2.001678); Hội tự giải thể (mã TTHC: 1.003918); Phê duyệt điều lệ hội (mã TTHC: 1.003960); Thành lập hội (mã TTHC: 2.001481); Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường (mã TTHC: 1.003900).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Chủ tịch UBND cấp huyện trong trường hợp hội có phạm vi hoạt động trong huyện và trong xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý hội; sửa đổi, bổ sung khoản b, c Điều 2 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

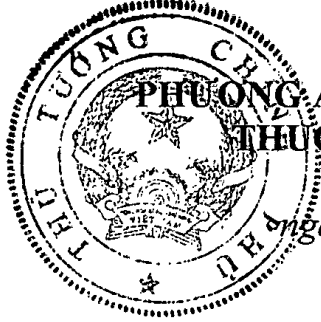
2. Nhóm các thủ tục: Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ (mã TTHC: 2.001590); Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ (mã TTHC: 2.001567); Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (mã TTHC: 1.003822); Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (mã TTHC: 1.003916); Đổi tên quỹ cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003879); Hợp nhất, sát nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (mã TTHC: 1.003920); Tự giải thể quỹ (mã TTHC: 1.003866); Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (mã TTHC: 1.003621); Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (mã TTHC: 1.003950).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Chủ tịch UBND cấp huyện trong trường hợp quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện và trong xã (trừ trường hợp quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.



Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã TTHC: 2.001529); Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005395); Cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005396); Gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005397).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Ban Cơ yếu Chính phủ về Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 32, 33 Luật An toàn thông tin mạng; sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Thủ tục Xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (mã TTHC: 1.008253).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Ban Cơ yếu Chính phủ về Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Luật An toàn thông tin mạng; sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

B. LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH AN TOÀN LAO ĐỘNG; KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (mã TTHC: 1.008256); Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp hết thời hạn quy định trong Giấy chứng nhận (mã TTHC: 1.008257); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng (mã TTHC: 1.008259); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận (mã TTHC: 1.008260); Cấp chứng chỉ kiểm định viên (mã TTHC: 1.008261); Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp chứng chỉ kiểm định viên hết hạn (mã TTHC: 1.008262); Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên (mã TTHC: 1.008263); Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp chứng chỉ kiểm định viên bị mất hoặc hỏng (mã TTHC: 1.008264); Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên sau khi chứng chỉ kiểm định viên bị thu hồi (mã TTHC: 1.008265).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Kỹ thuật về Bộ Tham mưu thuộc Tổng cục Kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12, 13, 16 Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 2.001644); Cấp giấy phép hoạt động đối với trung tâm thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 1.003852); Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh xá thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 1.003791); Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 2.001122); Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 1.004530); Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập (mã TTHC: 1.004535); Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm (mã TTHC: 1.004542); Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (mã TTHC: 1.004558); Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thực hiện theo quy định tại

khoản 3 Điều 46 Luật Khám bệnh, chữa bệnh (mã TTHC: 1.004567); Thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 1.004554); Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng bị mất hoặc bị hư hỏng hoặc bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Luật Khám bệnh, chữa bệnh (mã TTHC: 1.004544); Thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 1.004519); Đình chỉ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (mã TTHC: 2.001422); Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động sau khi bị đình chỉ (mã TTHC: 2.001419).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Quốc phòng về Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần thuộc Bộ Quốc phòng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 45; khoản 1, 3 Điều 47; khoản 2, 3, 5 Điều 48 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009; sửa đổi, bổ sung Điều 6; khoản 4, 5 Điều 24; Điều 27; Điều 33; điểm c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 50/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người khám bệnh, chữa bệnh và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quân đội.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

C. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Thủ tục Xin cấp phép cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội (mã TTHC: 1.008286).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ Quốc phòng về Bộ Tư lệnh 86 thuộc Bộ Quốc phòng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9; khoản 3 Điều 10 Thông tư số 110/2014/TT-BQP ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Xin thiết lập trang, cổng thông tin điện tử trên Internet (mã TTHC: 2.001933).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Tổng cục Chính trị về Cục Tuyên huấn thuộc Tổng cục Chính trị; đồng thời, bổ sung các quy định về việc thực hiện thủ tục theo cách thức trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16, Điều 18 Thông tư số 110/2014/TT-BQP ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu (mã TTHC: 2.002422); Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với đơn vị quân đội không phải là doanh nghiệp phục vụ thi công các công trình quốc phòng, an ninh (mã TTHC: 2.001198); Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn (mã TTHC: 1.002887); Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn (mã TTHC: 1.002892); Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do bị mất hoặc cấp đổi do bị hư hỏng (mã TTHC: 1.002896); Điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 1.004898).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Quốc phòng về Bộ Tham mưu thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3; khoản 4 Điều 4 Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000015); Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000016); Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000017); Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000018).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Công nghiệp quốc phòng về Cục Quản lý công nghệ thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng; đồng thời, bổ sung các quy định về việc thực hiện thủ tục theo cách thức trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.



Phụ lục XII

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC BẢO HIỂM

1. Thủ tục Phê chuẩn chương trình đào tạo đại lý bảo hiểm (mã TTHC: 1.008486).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 87 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm; sửa đổi, bổ sung Điều 30, khoản 12 Điều 36 và Phụ lục 12 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Bổ nhiệm, thay đổi một số chức danh quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (mã TTHC: 1.008474).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 26 và Điều 34 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Đề nghị phê chuẩn nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng trong bảo hiểm nhân thọ (mã TTHC: 1.008484).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 70 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Phê chuẩn việc áp dụng (hoặc thay đổi áp dụng) phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (mã TTHC: 1.008475).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 16, Điều 58 Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm; khoản 2, 4 Điều 17, khoản 4, 5 Điều 18, khoản 4 Điều 19, khoản 11 Điều 36 và Phụ lục 11 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Báo cáo năm của cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm (mã TTHC: 1.010361).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 89 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Thông báo trường hợp doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài không có đánh giá xếp hạng tín nhiệm theo quy định (mã TTHC: 1.010360).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 43 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Thủ tục Nộp báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ (mã TTHC: 1.010359).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 50 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Nhóm các thủ tục: Báo cáo về việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh (mã TTHC: 1.010366); Báo cáo về việc thay đổi địa điểm kinh doanh (mã TTHC: 1.010367).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 19, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

9. Thủ tục Chấp thuận về nguyên tắc đề tăng/giảm mức vốn điều lệ, vốn được cấp (mã TTHC: 1.008467).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ; QUẢN LÝ CÔNG SẢN

1. Nhóm các thủ tục: Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá lần đầu đối với công dân Việt Nam (mã TTHC: 1.006237); Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá các lần tiếp theo (mã TTHC: 2.002216).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý giá thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thẩm định giá; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 13, Điều 14, khoản 9 Điều 16, khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, điểm c khoản 2 Điều 22 Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc thi, quản lý, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

2. Thủ tục Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có Chứng chỉ hành nghề thẩm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận (mã TTHC: 2.002215).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý giá thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thẩm định giá; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 10, Điều 14 Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc thi, quản lý, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.



Phụ lục XIII
PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg
30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Thủ tục Giao khu vực biển (mã TTHC: 1.004512).

Thủ tục này bao gồm các thủ tục: Giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; Giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh đối với việc giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển liên vùng đến không quá 12 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản năm 2017; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (mã TTHC: 2.001745).

Thủ tục này bao gồm các thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh đối với việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển liên vùng đến không quá 12 hải

lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản năm 2017; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3. Thủ tục Gia hạn Quyết định giao khu vực biển (mã TTHC: 1.004520).

Thủ tục này bao gồm các thủ tục: Gia hạn Quyết định giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; Gia hạn Quyết định giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh đối với việc Gia hạn Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển liền vùng đến không quá 12 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản năm 2017; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

4. Thủ tục Công nhận khu vực biển (mã TTHC: 1.009480).

Thủ tục này bao gồm các thủ tục: Công nhận khu vực biển thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; Công nhận khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh đối với việc Công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển liên vùng đến không quá 12 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản năm 2017; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

5. Thủ tục Trả lại khu vực biển (mã TTHC: 1.004333).

Thủ tục này bao gồm các thủ tục: Trả lại khu vực biển thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ; Trả lại khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh đối với việc chấp thuận trả lại khu vực biển nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển liên vùng đến không quá 12 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản năm 2017; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

B. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC; BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2 m³/giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 100.000 m³/ngày đêm trở lên (mã TTHC: 2.000021); Gia hạn/Điều chỉnh giấy

phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2 m³/giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 100.000 m³/ngày đêm trở lên (mã TTHC: 2.000018).

a) Nội dung phân cấp:

Phân cấp một phần thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh theo nội dung sau:

“Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2 m³/giây trở lên và có hồ chứa với dung tích toàn bộ dưới 03 triệu m³”, “Gia hạn/Điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2 m³/giây trở lên và có hồ chứa với dung tích toàn bộ dưới 03 triệu m³”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m³/ngày đêm (mã TTHC: 1.004179); Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m³/ngày đêm (mã TTHC: 1.004167).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (mã TTHC: 1.004122); Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (mã TTHC: 2.001738); Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (mã TTHC: 1.004253).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm (cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.004232); Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm (mã TTHC: 1.004228); Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm (mã TTHC: 1.004223); Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm (mã TTHC: 1.004211).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

5. Thủ tục Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (TTHC cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.000824).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

6. Thủ tục Điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD (mã TTHC: 1.004629).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về Cục Biến đổi khí hậu thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

C. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Nhóm các thủ tục: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (Đối với tỉnh đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 1.002273); Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 1.004199); Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 1.004227); Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai) (mã TTHC: 1.005194); Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai) (mã TTHC: 2.000880); Đăng ký biến động quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 2.000889); Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 2.000976).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Tài nguyên và Môi trường về Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; sửa đổi, bổ sung khoản 23 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Thủ tục Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 1.004193).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Tài nguyên và Môi trường về Văn phòng Đăng ký đất đai.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

D. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

1. Thủ tục Cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về địa chất, khoáng sản (mã TTHC: 2.001834).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Tạp chí địa chất, Bộ Tài nguyên và Môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều kiện phân cấp: Có sự chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung giữa trung ương và địa phương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Thủ tục Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (mã TTHC: 1.004083).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Luật Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung Điều 32, 47 và điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3. Thủ tục Nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản vào Bảo tàng Địa chất (TTHC cấp trung ương) (mã TTHC: 1.004107).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 23 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

4. Thủ tục Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch (mã TTHC: 1.004132).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 47 và Điều 62 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

5. Thủ tục Đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp trung ương) (mã TTHC: 1.004262).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 74, 75 Luật Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

6. Nhóm các thủ tục: Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp Trung ương) (mã TTHC: 1.004292); Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp Trung ương) (mã TTHC: 1.004324).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 80, 82 Luật Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung Điều 49, 51, 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

7. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001781); Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001777); Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - cấp tỉnh (mã TTHC: 1.004343).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung Điều 64, 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.



Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC BÁO CHÍ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009368); Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009380); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009381).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Báo chí về Sở Thông tin và Truyền thông (đối với báo địa phương).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 20, Điều 31 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3, Điều 9 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cho phép hợp báo (nước ngoài) (mã TTHC: 2.001788); Cho phép hợp báo (trong nước) (mã TTHC: 2.000383).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Báo chí thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 41 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3, 4, 6 Điều 18 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép xuất bản đặc san (mã TTHC: 1.009377); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san (mã TTHC: 1.009385).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Báo chí về Sở Thông tin và Truyền thông (đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung Điều 3, 20, 21 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Thủ tục Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo in, giấy phép hoạt động tạp chí in, giấy phép hoạt động báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử (mã TTHC: 1.009379).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Báo chí thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung Điều 7, 12 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

5. Thủ tục Đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu (mã TTHC: 1.004514).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 54 Luật Báo chí.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

6. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép xuất bản bản tin (mã TTHC: 1.009374); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (mã TTHC: 1.009386).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền về Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 6 Điều 34 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3, Điều 18, 19 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí; sửa đổi Mẫu số 10, 26 đính kèm Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

7. Nhóm các thủ tục: Cho phép hợp báo (trong nước) (mã TTHC: 2.001171); Cho phép hợp báo (nước ngoài) (mã TTHC: 2.001173).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 41 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung khoản 2, 4, 6 Điều 18 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 5 Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

8. Thủ tục Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (mã TTHC: 1.003888).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 20 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19 năm 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

B. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (mã TTHC: 2.002177); Thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (mã TTHC: 1.002702); Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (mã TTHC: 2.001133).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Trung tâm chứng thực điện tử quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36; khoản 1, 5, 6 Điều 38; khoản 1 Điều 39 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học (mã TTHC: 1.002663); Cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (mã TTHC: 1.008272); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng (mã TTHC: 1.007965); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức (mã TTHC: 1.007962); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh

mục cấm nhập khẩu để làm thiết bị điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất (mã TTHC: 1.007963); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài (mã TTHC: 1.007964); Cho phép nhập khẩu sản phẩm, linh kiện đã được tân trang, làm mới để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó nay không còn được sản xuất (mã TTHC: 1.007976); Cho phép tái nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài sửa chữa (mã TTHC: 1.007967).

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết 02 TTHC các mã: 1.002663 và 1.008272 từ Thủ tướng Chính phủ về cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết 06 TTHC các mã: 1.007965, 1.007962, 1.007963, 1.007964, 1.007976 và 1.007967 từ Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10, 51 Luật Quản lý ngoại thương; sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh Mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu; sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng (mã TTHC: 2.001123); Cấp lại giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng (mã TTHC: 1.005446).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục An toàn thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6, khoản 3 Điều 9, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

C. LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

1. Thủ tục Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập mạng xã hội (mã TTHC: 1.004336).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 1, khoản 5 Điều 23h Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Quyết định phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 2.001677); Sửa đổi, bổ sung Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.002019); Cấp lại Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.002011).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 26, 27 Điều 1; khoản 2 Điều 32h; khoản 4 Điều 32i, điểm b khoản 6 Điều 32i Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001885); Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001786); Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001880); Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001884).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Thông tin và Truyền thông hoặc UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung khoản 35 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; sửa đổi Mẫu số 03, 04, 05, 06, 07, 08 đính kèm Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

D. LĨNH VỰC TẦN SỐ VÀ TUYÊN ĐIỆN

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài nghiệp dư (mã TTHC: 1.010247); Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài nghiệp dư (mã TTHC: 1.010248); Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài nghiệp dư (mã TTHC: 1.010249); Cấp lại giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư (mã TTHC: 1.010250); Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS) (mã TTHC: 1.010281); Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS) (mã TTHC: 1.010282); Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS) (mã TTHC: 1.010283); Cấp lại Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS) (mã TTHC: 1.010284); Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá (mã TTHC: 1.010285); Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá (mã TTHC: 1.010286); Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến

điện liên lạc với phương tiện nghề cá (mã TTHC: 1.010287); Cấp lại Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá (mã TTHC: 1.010288); Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ (mã TTHC: 1.010289); Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ (mã TTHC: 1.010290); Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ (mã TTHC: 1.010291); Cấp lại Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ (mã TTHC: 1.010292).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Tần số vô tuyến điện về Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cho thuê, cho mượn đài nghiệp dư (mã TTHC: 1.010319).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Tần số vô tuyến điện về Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 33 Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC AN TOÀN THÔNG TIN; VIỄN THÔNG VÀ INTERNET

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận tên định danh (mã TTHC: 1.008813); Cấp lại Giấy chứng nhận tên định danh (mã TTHC: 1.008815); Gia hạn giấy chứng nhận tên định danh (mã TTHC: 1.008816).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục An toàn thông tin về Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22; khoản 3, 6 Điều 23; Điều 25, 26, 27 và Điều 28 Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.005444); Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.003370); Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.005445).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Viễn thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 Điều 26 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (mã TTHC: 1.003300); Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (mã TTHC: 1.003249).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Viễn thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18; khoản 2, 3 Điều 27 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

4. Thủ tục Cấp lại giấy phép viễn thông (Áp dụng đối với cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, cấp phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, cấp phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam; Không áp dụng đối với cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại Thông tư 12/2013/TT-BTTTT (mã TTHC: 2.001748).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Viễn thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; sửa đổi, bổ sung Điều 24 Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

E. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (mã TTHC: 1.004210); Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (mã TTHC: 1.004365); Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (mã TTHC: 1.004369); Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (mã TTHC: 1.005105).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Xuất bản, In và Phát hành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung mẫu số 41, 42, 43, 44 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

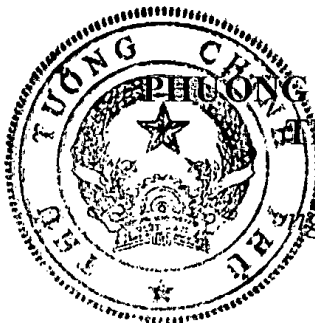
2. Thủ tục Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (mã TTHC: 1.003483).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3, sửa đổi biểu mẫu số 33, 34, 35 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.



Phụ lục XV

PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

1. Nhóm các thủ tục: Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 1.001669); Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 2.000756); Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 2.000779).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, 39, 40, 41, 42, 43, 44 Luật Hộ tịch năm 2014; sửa đổi, bổ sung Điều 27 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; sửa đổi, bổ sung quy định về thu lệ phí hộ tịch tại tiết 2 điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi tại điểm e khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (mã TTHC: 2.002189); Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (mã TTHC: 2.000554); Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (mã TTHC: 2.000547).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, 48, 49, 50 Luật Hộ tịch năm 2014; sửa đổi, bổ sung Điều 27 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; sửa đổi, bổ sung quy định về thu lệ phí hộ tịch tại tiết 2 điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi tại điểm e khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc (mã TTHC: 2.000748).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 46 Luật Hộ tịch 2014; sửa đổi, bổ sung quy định về thu lệ phí hộ tịch tại tiết 2 điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi tại điểm e khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch (mã TTHC: 2.000635).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền quyết định TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Tư pháp đối với trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC là UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014; sửa đổi, bổ sung quy định về thu lệ phí hộ tịch tại tiết 2 điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi tại điểm e khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

B. LĨNH VỰC LUẬT SƯ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài (mã TTHC: 1.002911); Gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài (mã TTHC: 1.002697); Cấp lại giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài (mã TTHC: 1.001993).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư (mã TTHC: 1.000828); Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư (mã TTHC: 1.000688).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thành lập Công ty luật nước ngoài (mã TTHC: 2.000851); Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 2.000885); Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 2.000854); Cấp lại Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài (mã TTHC: 1.001979); Thay đổi nội dung giấy phép thành lập của chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.002528).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 78, 80, 81 Luật Luật sư; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Thủ tục Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài trong trường hợp tự chấm dứt hoạt động (mã TTHC: 1.002943).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 – 2023.

5. Thủ tục Chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.002637).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Chuyển đổi công ty luật nước ngoài thành công ty luật Việt Nam (mã TTHC: 1.002649).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Thủ tục Công nhận Giấy Chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài (mã TTHC: 1.001928).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Thủ tục Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư (mã TTHC: 1.008614).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư; sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

9. Nhóm các thủ tục: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khách quan mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi (mã TTHC: 1.008628); Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư (mã TTHC: 1.008624).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Luật Luật sư; sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư; sửa đổi, bổ sung Điều 6, khoản 1 Điều 10 Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

10. Nhóm các thủ tục: Hợp nhất công ty luật nước ngoài (mã TTHC: 1.002544); Sáp nhập công ty luật nước ngoài (mã TTHC: 1.002563).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 32, Điều 33 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC NUÔI COI NUÔI

1. Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi (mã TTHC: 1.003198).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 40 Luật Nuôi con nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.000532); Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.003236).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34, Điều 35 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (mã TTHC: 2.002349).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Tư pháp về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (mã TTHC: 1.003160); Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 1.003179); Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi (mã TTHC: 1.004878); Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng (mã TTHC: 1.010547).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 Luật Nuôi con nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

D. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI; HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI; QUẢN TÀI VIÊN; BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Thủ tục Chấm dứt hoạt động theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài (mã TTHC: 1.008885).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.008886); Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.008888); Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001609); Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (mã TTHC: 1.008887).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 21, Điều 23, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài (mã TTHC: 2.000822); Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài (mã TTHC: 2.000819).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 24 Luật Trọng tài thương mại; sửa đổi, bổ sung Điều 2, khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.008911); Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại (mã TTHC: 1.008907); Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.008908); Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài (mã TTHC: 1.008909); Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (mã TTHC: 1.008912); Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại (mã TTHC: 2.002052); Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác; tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác (mã TTHC: 1.008910).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 31, khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 41 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên (mã TTHC: 2.001130); Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán (mã TTHC: 1.002681); Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (mã TTHC: 2.001117); Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (mã TTHC: 2.001113).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 1, 2, 3 Điều 6 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Nhóm các thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá (mã TTHC: 1.003915); Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá (mã TTHC: 1.000802); Thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá trong trường hợp thôi hành nghề theo nguyện vọng (mã TTHC: 1.008726).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17 Luật Đấu giá tài sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

Đ. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC; TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (mã TTHC: 2.000843).

a) Nội dung phân cấp: Bổ sung thêm thẩm quyền cho UBND cấp xã quyết định các TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (mã TTHC: 2.000587); Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (mã TTHC: 2.000518).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Tư pháp về Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; sửa đổi, bổ sung khoản 2, 9 Điều 34 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.



Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH, TRIỂN LÃM; THỂ DỤC, THỂ THAO

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.001671); Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.001704).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11, điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao (mã TTHC: 1.003716).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Tổng cục Thể dục thể thao thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1, khoản 5 Điều 13 và khoản 15 Điều 38 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

B. LĨNH VỰC DU LỊCH

1. Nhóm các thủ tục: Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004572); Công nhận cơ sở kinh

doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1001455); Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004580); Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004551); Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004503).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Du lịch về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 56 Luật Du lịch 2017.
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Thủ tục Thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực (mã TTHC: 1004610).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 3 Điều 69 Luật Du lịch 2017.
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

C. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 2001414); Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1005441).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1001420).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.000919); Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.001407); Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.000817).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

D. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA; HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (mã TTHC: 1.003793).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Di sản văn hóa (được sửa đổi tại điểm c khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa); sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; sửa đổi, bổ sung mục 2 điểm e khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2012/CP-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.006412); Cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001082); Gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001091).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC THƯ VIỆN

1. Nhóm các thủ tục: Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008897); Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008896).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 23 Luật Thư viện 2019; sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Thông tư 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc UBND cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc UBND cấp huyện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Thủ tục Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008895).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 23 Luật Thư viện 2019; sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Thông tư 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

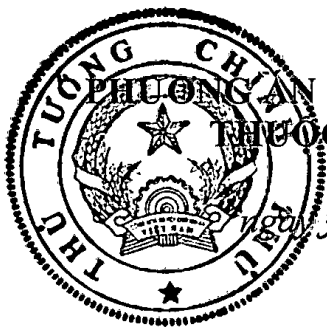
3. Nhóm các thủ tục: Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (mã TTHC: 1.008899); Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (mã TTHC: 1.008900); Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (mã TTHC: 1.008898).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Văn hóa - Thông tin/Phòng Văn hóa thuộc UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điều 23 Luật Thư viện 2019.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.



Phụ lục XVII

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Nhóm các thủ tục: Cấp chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (mã TTHC: 1.002589); Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (mã TTHC: 1.002551).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Xây dựng về Sở Xây dựng.

Điều kiện phân cấp: Có cơ sở dữ liệu dùng chung gồm các thông tin sau: Thông tin của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (họ tên, ngày tháng năm sinh, CMND/CCCD) để tra cứu, tránh trường hợp cấp mới nhiều lần tại các Sở Xây dựng địa phương khác nhau; Thông tin vi phạm (nếu có và đã được công bố) liên quan đến lĩnh vực kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng

b) Kiến nghị thực thi:

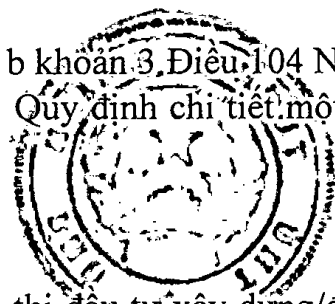
- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm A, dự án trên địa bàn hai tỉnh trở lên (mã TTHC: 1.009958); Cấp giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm A, dự án trên địa bàn hai tỉnh trở lên (mã TTHC: 1.009959).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng về Sở Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3 Điều 104 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.



- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

3. Thủ tục Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (mã TTHC: 1.009941).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, thuộc dự án nhóm B có công trình cấp II trở xuống.

Điều kiện phân cấp: Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công quy mô dự án nhóm B trừ các dự án nhóm B thuộc chuyên ngành quản lý, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn này trực thuộc) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

4. Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (mã TTHC: 1.009942).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh đối với dự án xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, thuộc dự án nhóm B có công trình cấp II trở xuống.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

B. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN; NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ

1. Thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư (mã TTHC: 1.010746).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về UBND cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án bất động sản đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 51 Luật Kinh doanh bất động sản; sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025

2. Thủ tục Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (mã TTHC: 1.010007).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện; đồng thời quy định rõ quy trình, trách nhiệm của UBND cấp huyện trong phối hợp với Sở Xây dựng để xác định nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 81 Luật Nhà ở; sửa đổi, bổ sung khoản 21 Điều 1 Nghị định 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh (mã TTHC: 1.007762).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 61 Luật Nhà ở; sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý Nhà ở xã hội.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Thủ tục Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp đối với nhà ở riêng lẻ) (mã TTHC: 1.009787).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng về cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

2. Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với công trình cấp I, công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 02 tỉnh trở lên, công trình thuộc dự án do các bộ, cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; công trình do các tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng (mã TTHC: 1.009793).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh.

Điều kiện phân cấp: Phân cấp thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào khai thác, sử dụng của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng cho cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh đối với một số dự án/công trình: công trình cấp II, cấp III, cấp thuộc dự án nhóm B, C hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc phân cấp ủy quyền quyết định đầu tư ...; đảm bảo về nhân lực (có đủ trình độ chuyên môn, thời gian) thực hiện TTHC

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

D. LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG; HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Nhóm các thủ tục: Cấp mới Giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (mã TTHC: 1.006809); Cấp lại giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (mã TTHC: 1.006818); Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận

đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (mã TTHC: 1.006814).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ các bộ, cơ quan ngang bộ về cơ quan có thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

2. Thủ tục Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh (mã TTHC: 1.002693).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện và Sở Xây dựng, cụ thể:

- Phân cấp về UBND cấp huyện trong trường hợp quy mô chặt hạ, dịch chuyển cây xanh nằm trên địa bàn 01 huyện và địa bàn thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.

- Phân cấp về Sở Xây dựng trong trường hợp quy mô chặt hạ, dịch chuyển cây xanh nằm trên địa bàn của 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên hoặc các địa bàn hành chính không thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022



Phụ lục XVIII

PHƯƠNG AN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN

1. Thủ tục Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu (mã TTHC: 1.003937).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 03/2016/TT-BYT ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hoạt động kinh doanh dược liệu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản dược liệu (mã TTHC: 1.003892).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2016/TT-BYT ngày 21 tháng 01 năm 2016 Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về hoạt động kinh doanh dược liệu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy đăng ký lưu hành dược liệu (mã TTHC: 1.005039); Gia hạn giấy đăng ký lưu hành dược liệu (mã TTHC: 1.002457); Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành dược liệu (Đối với hồ sơ đăng ký lưu hành dược liệu có nội dung thay đổi, bổ sung quy định tại Phụ lục II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BYT) (mã TTHC: 1.002447).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

B. LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM; MỸ PHẨM

1. Nhóm các thủ tục: Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (Áp dụng với cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc) (mã TTHC: 1.004405); Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định (mã TTHC: 1.004559).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 48, khoản 6 Điều 90 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc Generic (mã TTHC: 1.002379).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với thuốc dùng ngoài, đóng gói các thuốc dùng ngoài trong danh mục do Bộ Y tế quy định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt để viện trợ, viện trợ nhân đạo (mã TTHC: 1.004390); Cấp phép xuất khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc được phép xuất khẩu không cần giấy phép của Bộ Y tế theo quy định tại khoản 5 Điều 60 của Luật dược mà cơ sở có nhu cầu cấp giấy phép xuất khẩu (mã TTHC: 1.003873); Cấp phép xuất khẩu thuốc phóng xạ; thuốc và dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; thuốc độc; nguyên liệu độc làm thuốc (mã TTHC: 1.004397); Cấp phép nhập khẩu thuốc dùng cho mục đích

thử lâm sàng, thử tương đương sinh học, đánh giá sinh khả dụng tại Việt Nam, làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học (mã TTHC: 1.004505); Cấp phép nhập khẩu thuốc viện trợ, viện trợ nhân đạo (mã TTHC: 1.004476); Cấp phép nhập khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam (mã TTHC: 1.004522); Cấp phép nhập khẩu dược liệu không sử dụng làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ, sản xuất thuốc xuất khẩu, sản xuất thuốc phục vụ yêu cầu quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa (mã TTHC: 1.004590); Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thông qua phương tiện tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện giới thiệu thuốc (mã TTHC: 1.004517); Cấp phép nhập khẩu tá dược, vỏ nang, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc, chất chuẩn (mã TTHC: 1.004597).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 63, khoản 1 Điều 77, khoản 1 Điều 81, khoản 1 Điều 88, Điều 116 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Cung cấp thuốc phóng xạ (mã TTHC: 1.001396).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 11 Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023.

5. Thủ tục Gia hạn giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc (mã TTHC: 1.002189).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với thuốc dùng ngoài, đóng gói các thuốc dùng ngoài trong danh mục do Bộ Y tế quy định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 36 Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

6. Thủ tục Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT (mã TTHC: 1.003068).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 13 Thông tư số 04/2018/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phòng thí nghiệm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

7. Nhóm các thủ tục: Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Thuộc thay đổi lớn (mã TTHC: 1.002038); Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Thuộc thay đổi nhỏ chỉ yêu cầu thông báo cho cơ quan quản lý (mã TTHC: 1.003355); Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc thuộc thay đổi nhỏ cần phê duyệt (mã TTHC: 1.001922).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với thuốc dùng ngoài, đóng gói các thuốc dùng ngoài trong danh mục do Bộ Y tế quy định từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

8. Thủ tục Cấp phép nhập khẩu dược chất, bán thành phẩm thuốc, dược liệu, bán thành phẩm dược liệu để làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, trừ nguyên liệu phải kiểm soát đặc biệt (mã TTHC: 1.004609).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với nguyên liệu để làm mẫu kiểm nghiệm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 88 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

9. Thủ tục Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm (mã TTHC: 1.002238).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

C. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA; ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Nhóm các thủ tục: Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002261); Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002248); Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002269); Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002287).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương về Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh, cấp Bộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Khám giám định phúc quyết do vượt khả năng chuyên môn của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003826); Khám giám định phúc quyết theo đề nghị của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế hoặc Cục Người có công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (mã TTHC: 1.003764); Khám giám định phúc quyết trong trường hợp đối tượng không đồng ý với kết quả khám giám định lần đầu (mã TTHC: 1.003798).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương về Hội đồng giám định y khoa cấp Bộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh (mã TTHC: 1.000439); Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định (mã TTHC: 1.000101); Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh (mã TTHC: 1.000461); Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định (mã TTHC: 1.000262).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương về Hội đồng giám định y khoa cấp Bộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Khám giám định phúc quyết theo đề nghị của đối tượng khám giám định do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã

TTHC: 1.002310); Khám giám định phúc quyết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002302).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương về Hội đồng giám định y khoa cấp Bộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Khám giám định phúc quyết theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (mã TTHC: 1.002076).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương về Hội đồng giám định y khoa cấp Bộ trong việc khám giám định phúc quyết theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

6. Nhóm các thủ tục: Đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động giám sát nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng (mã TTHC: 1.001012); Đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động hỗ trợ hành chính nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng (mã TTHC: 1.001587); Đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động phân tích thống kê và quản lý dữ liệu nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng (mã TTHC: 2.000003).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư số 08/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động hỗ trợ nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

D. LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH; DÂN SỐ - SỨC KHỎE SINH SẢN

1. Nhóm các thủ tục: Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế (mã TTHC: 2.000804); Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.001779).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp, điều chỉnh thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế và sang các Bộ liên quan (Chỉ áp dụng với các kỹ thuật quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT. Cụ thể: Sở Y tế thực hiện đối với bệnh viện tư nhân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc các bộ, ngành; Bộ Công an thực hiện đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an.)

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003433); Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003349); Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 2.001373).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc cấp/cấp bổ sung/cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam làm việc tại các cơ Sở Y tế trực thuộc bộ, ngành trên địa bàn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Bộ Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng)

và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập (mã TTHC: 1.003427).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng); điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với Bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân (mã TTHC: 1.003491).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp, điều chỉnh thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Cục Y tế, Bộ Công an trong việc cấp giấy phép hoạt động đối với Bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003627).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an khi thay đổi địa điểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003672); Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003642).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023

7. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003535); Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003515).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với phòng khám đa khoa trực thuộc Bộ Công an.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.002587).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền trong việc cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

9. Nhóm các thủ tục: Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003299); Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003311).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với những người làm việc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc bộ, ngành tại địa bàn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

10. Thủ tục Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.009814).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

11. Nhóm các thủ tục: Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003299); Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.001096).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

12. Thủ tục Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm (mã TTHC: 1.003448).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8, 9, 10 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Đ. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG

1. Nhóm các thủ tục: Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm (mã TTHC: 1.002467); Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.004062); Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.004070); Công bố cơ sở đủ điều

kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.002944).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.002564; Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.001114); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.001189); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT (mã TTHC: 1.001178).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.



Phụ lục XIX

PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI

1. Thủ tục Cấp giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia (mã TTHC: 1.001841).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố đối với các hợp đồng có giá trị từ 500.000 USD trở lên.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 01 năm 2004 của Thống đốc NHNN Việt Nam ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia; sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước (mã TTHC: 1.003499); Chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế (mã TTHC: 1.003485); Chấp thuận cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế (mã TTHC: 1.003475); Cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế (mã TTHC: 2.001357).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố đối với các đối tượng là chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô nhỏ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4, 11, 12, 19, 20, 36 Thông tư số 21/2014/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2014 của NHNN Việt Nam hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của

tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng quy định thẩm quyền của các NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố giải quyết/chấp thuận cụ thể đối với trường hợp đối tượng thực hiện là chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô nhỏ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Đăng ký tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh (mã TTHC: 1.000122); tục Đăng ký thay đổi thông tin tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài (mã TTHC: 1.000116).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Bên đi vay đặt trụ sở chính thực hiện, không phân biệt giá trị các khoản vay.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Thống đốc NHNN Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

4. Nhóm các thủ tục: Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh (mã TTHC: 1.000972); Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh (mã TTHC: 1.000111).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền quyết định TTHC từ NHNN Việt Nam về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Bên đi vay đặt trụ sở chính việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi các khoản vay bằng đồng Việt Nam có kim ngạch vay quy đổi đến 10 (mười) triệu USD của Bên đi vay là Tổ chức tài chính vi mô hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vay từ nguồn lợi nhuận được chia bằng đồng Việt Nam từ hoạt động đầu tư trực tiếp của Bên cho vay là nhà đầu tư nước ngoài góp vốn tại Bên đi vay.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 18 Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Thống đốc NHNN Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022

B. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

1. Thủ tục Tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện (mã TTHC: 1.001201).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2, 3 Điều 14 Thông tư số 43/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Thủ tục Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.001655).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam (Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 13 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về mạng lưới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.001668); Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.001650);

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng về Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4, điểm a, b khoản 3 Điều 13, khoản 2, 3 Điều 18 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về mạng lưới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

4. Nhóm các thủ tục: Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của Ngân hàng hợp tác xã (mã TTHC: 1.000527); Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở) của ngân hàng hợp tác xã (mã TTHC: 1.000516).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng về Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 4 Điều 18 Thông tư số 09/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

5. Nhóm các thủ tục: Chấp thuận thay đổi tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.003292); Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính (mã TTHC: 1.003288); Chấp thuận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính (không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.003266).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam về Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5, khoản 2, 6 Điều 6 Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

6. Nhóm các thủ tục: Đề nghị chấp thuận thay đổi tên của tổ chức tài chính vi mô (mã TTHC: 1.001591); Đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô (mã TTHC: 1.001537).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam về Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 10/2018/TT-NHNN ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.



Phụ lục XX

PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THANH TRA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg
ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

LĨNH VỰC THANH TRA

1. Thủ tục Cấp mới Thẻ Thanh tra (mã TTHC: 2.001800).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng Thanh tra Chính phủ về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 7, điểm b, c khoản 3 Điều 8, điểm c, d khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 01/2012/TT-TTCP ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Tổng Thanh tra Chính phủ Quy định mẫu và việc quản lý, sử dụng Thẻ Thanh tra.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022

2. Thủ tục Cấp lại Thẻ Thanh tra (mã TTHC: 1.004409).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng Thanh tra Chính phủ về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 7, điểm b, c khoản 3 Điều 8, điểm c, d khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 01/2012/TT-TTCP ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Tổng Thanh tra Chính phủ Quy định mẫu và việc quản lý, sử dụng Thẻ Thanh tra.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022

3. Thủ tục Đổi Thẻ Thanh tra (mã TTHC: 1.004410).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng Thanh tra Chính phủ về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 7, điểm b, c khoản 3 Điều 8, điểm c, d khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 01/2012/TT-TTCP ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Tổng Thanh tra Chính phủ Quy định mẫu và việc quản lý, sử dụng Thẻ Thanh tra.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022



Phụ lục XXI

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN DÂN TỘC

(Kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-TTg

ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Thủ tục Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (mã TTHC: 1.004875).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền quyết định TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cơ quan công an cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các ngành chức năng liên quan.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 4, khoản 1, 2 Điều 6 và khoản 7 Điều 8 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

2. Thủ tục Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (mã TTHC: 1.004888).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền quyết định TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cơ quan công an cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các ngành chức năng liên quan.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 6 và khoản 7 Điều 8 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.